

Bản án số: 50/2021/DS-ST

Ngày 24/11/2021

*“Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ về tài sản
do người chết để lại và thực hiện theo hợp đồng tín dụng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Diệp Thị Nét

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Ông Lê Hoàng Dũng

2/- Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phụng, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc *“Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại và thực hiện theo hợp đồng tín dụng”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXX – ST, ngày 07 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/QĐST- DS, ngày 07/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/QĐST- DS, ngày 04/6/2021 và các Thông báo dời ngày xét xử số 18/TB – TA, ngày 16/6/2021; số 22/TB – TA, ngày 16/7/2021; số 24/TB - TA, ngày 31/8/2021; số 02/TB-TA, ngày 18/10/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Số 34/2, Trương Văn Kính, khóm 1, phường 1, thành phố T, tỉnh V.

2. *Đồng bị đơn:*

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ hộ khẩu: Số 125, Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 9, phường 7, thành phố T, tỉnh V.

Địa chỉ tạm trú: Số 136 , Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 9, phường 7, thành phố T, tỉnh V.

- Anh Nguyễn Lê Vũ Q, sinh năm 1997 (vắng mặt)

- Cháu Nguyễn Kiều Đ, sinh năm 2005 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 12, Hùng Vương, khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Kiều Đoan: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969, là cha ruột (vắng mặt)

Địa chỉ hộ khẩu: Số 125, Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 9, phường 7, thành phố T, tỉnh V.

Địa chỉ tạm trú: Số 136 , Nguyễn Thị Minh Khai, khóm 9, phường 7, thành phố T, tỉnh V.

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1924 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thanh An, xã Hòa Thạnh, huyện T, tỉnh L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng TMCP Phát triển nhà C (nay được sáp nhập vào Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T) (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 02, Lê Thánh Tôn, phường 2, thành phố T, tỉnh V.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1956 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 12, Hùng Vương, khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/9/2017, 09/01/2021 và ngày 15/01/2020 của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay ông H trình bày:

Vào năm 2010 ông Nguyễn Văn H có cho bà Lê Thị Thu C (là chị của vợ) mượn 1.600.000.000đồng để làm ăn và nói khi nào bà C có tiền thì trả cho ông, do tin tưởng nên không viết biên nhận, không tính lãi. Thời gian sau bà C bị bệnh và chết ngày 27/8/2012, tuy nhiên trước khi chết bà C có lập Tờ di chúc đề 15/6/2012 có nội dung ghi trong tờ di chúc là có nợ ông H số tiền trên.

- Vào 23/3/2009, bà Lê Thị Thu C và ông Nguyễn Văn D cùng vay Ngân hàng đầu tư 800.000.000đồng và thế chấp thửa 133, diện tích 170,7m², tọa lạc tại khóm 9, phường 7, thành phố T, tỉnh V, do ông Nguyễn Văn D đứng tên đại diện hộ.

- Vào 19/10/2011, bà Lê Thị Thu C vay Ngân hàng đầu tư là 900.000.000đồng và thế chấp căn nhà trên thửa đất số 12, diện tích 135,8m², tọa lạc tại số 12, Hùng Vương, khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh V, do bà Lê Thị C đứng tên.

- Vào 18/5/2012 bà Lê Thị Thu C vay Ngân hàng đầu tư 1.500.000.000đồng và thế chấp thửa 252, 230, 231, tổng diện tích 418,7m² và căn nhà biệt thự, tọa lạc tại khóm 9, phường 7, thành phố T, tỉnh V, do bà Lê Thị C đứng tên.

Vào năm 2009 bà Lê Thị Thu C với ông Lê Văn D đã lập Tờ tự thỏa thuận phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân, nên các tài sản thế chấp trên đều thuộc phần bà C.

Sau khi bà C chết, các đồng thừa kế của bà C không ai đứng ra trả nợ nên ngân hàng kiện các đồng thừa kế trả nợ gốc, lãi theo quy định. Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết công nhận sự thỏa thuận của các đương sự gồm ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Lê Vũ Q, cháu Nguyễn Kiều Đ, bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Đầu tư tổng số tiền là 1.979.594.320đồng, nhưng đến giai đoạn thi hành án thì các đồng thừa kế cũng không có ai đứng trả số nợ trên. Gia đình của bà C sợ Cơ quan thi hành án phát mãi nhà số 12, Hùng Vương, vì muốn giữ lại căn nhà để làm kỷ niệm của bà C, mặt khác nội dung Tờ di chúc của bà C có ghi, ông H là người bán nhà số 12 đường Hùng Vương để trả nợ cho ông H là 1.600.000.000đồng và trả nợ cho Ngân hàng Đầu tư thay cho bà C là 2.160.000.000đồng nên ông H mới đứng ra trả nợ cho Ngân hàng bắt đầu từ ngày 17/9/2012 đến ngày 23/8/2017 mới kết thúc nợ, tổng gốc và lãi là 2.901.784.000đồng.

Trong quá trình ông H trả nợ thay cho bà Hà và ông D thì các đồng người thừa kế của bà C không ai phản đối gì mà để mặc ông H tự lo trả cho đến kết thúc nợ. Hiện nay Ngân hàng đang giữ các tài sản đã thế chấp của bà C.

Lẽ ra chỉ trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tại thời điểm Tòa án công nhận sự thỏa thuận là 1.979.594.320đồng, nhưng vì ông D và các đồng thừa kế không chịu trả nợ mà cứ để mặc cho ngân hàng tính lãi nên lãi suất chậm trả cứ tăng dần, vì vậy ông H phải trả lên đến 2.901.784.000đồng, vấn đề này là ngoài ý muốn của ông H, nhưng ông H vẫn phải trả theo quy định của Ngân hàng.

Do ông H muốn giữ lại căn nhà số 12 nên ông yêu cầu được nhận 01 căn nhà và đất, thửa 12, diện tích 135,88m², tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại số 12, Hùng Vương, khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh V để cân trừ nợ trên và yêu cầu Ngân hàng trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C cho ông, nay ông H đã rút cả 02 yêu cầu trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông H yêu cầu ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Lê Vũ Q, cháu Nguyễn Kiều Đ, bà Lê Thị T phải trả lại cho ông H số tiền bà H đã mượn là 1.600.000.000đồng và số tiền mà ông H đã trả nợ thay bà H, ông D tại Ngân hàng Đầu tư là 2.901.784.000đồng.

Ông H xác định di sản của bà Hà để lại và có giá trị như sau:

Nhà nghỉ TP được xây dựng trên thửa 133, diện tích 170,7m², do ông Nguyễn Văn D đứng tên đại diện hộ và thửa 132, diện tích 199,8m², do ông H đứng tên dùm, cùng tọa lạc tại khóm 9, phường 7, thành phố T, tỉnh V, có giá trị khoảng 2.000.000.000đồng.

- Đất trống tại thửa 232, diện tích 171,8m², do bà Lê Thị L đứng tên dùm bà C, tọa lạc tại khóm 9, phường 7, thành phố T, tỉnh V, có giá trị khoảng 500.000.000đồng.

- Căn nhà trên thửa đất số 12, diện tích 135,8m², tọa lạc tại số 12, Hùng Vương, khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh V, do bà Lê Thị Thu C đứng tên, có giá trị khoảng 4.000.000.000đồng.

- Căn nhà biệt thự được xây dựng trên thửa 252, 230, 231, tổng diện tích 418,7m², tọa lạc tại khóm 9, phường 7, thành phố T, tỉnh V, do bà Lê Thị Thu C đứng tên, có giá trị khoảng 6.000.000.000đồng.

Tổng giá trị di sản của bà Lê Thị Thu C khoảng 12.500.000.000đồng, số di sản này có giá trị cao hơn rất nhiều so với số nợ mà ông H yêu cầu, nên ông H không yêu Tòa án tổ chức định giá các di sản này.

Đối với căn nhà và đất, thửa 12, diện tích 135,88m², tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại số 12, Hùng Vương, khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh V, ông H không yêu cầu Tòa án tổ chức định giá lại do ông H không có nhu cầu lấy căn nhà này nữa và không đứng ra bán như Tờ di chúc của bà C đã nêu, bởi vì ông H chỉ mới thực hiện trả nợ thay bà C thì ông D đã tỏ ra thái độ trách móc ông H, trong quá trình giải quyết vụ án ông D bất hợp tác với Tòa án, gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng, do cố tình kéo dài vụ việc để chậm trả tiền của ông H đã bỏ ra. Tuy nhiên ông H chỉ yêu cầu các đồng thừa kế trả tổng số tiền 4.501.784.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đối với việc ông D cho là ông Hào cho thuê nhà nghỉ mà không cản trừ nợ là không đúng, vì ông H đã giao tiền thuê cho mấy chị vợ hết, nếu ông D cần thì gặp họ mà yêu cầu.

Đối với việc ông D cho là bà C có đầu tư vào sân bóng DH từ năm 2012 cùng với chị Q và chị H thì ông hoàn toàn không biết.

- Đồng bị đơn ông Nguyễn Văn D vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án có lời trình bày:

Theo lời khai tại phiên tòa ngày 21/9/2018, ông D không biết việc bà C có nợ ông H số tiền 1.600.000.000đồng và ông cũng không thỏa thuận cho ông H đi trả nợ Ngân hàng thay ông, nên ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông H và chữ ký trong Tờ di chúc đề ngày 15/6/2012 không phải của bà C nên ông D yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của bà C. Tại phiên tòa ngày 30/11/2018 ông D khẳng định, ông không tranh chấp Tờ di chúc, không yêu cầu phản tố và không đồng ý trả tiền cho ông H.

Theo đơn kiến nghị của ông D đề ngày 20/3/2020 thì ông cho rằng, ông H yêu cầu trả số tiền 1.600.000.000 đồng mà bà C đã mượn là không có cơ sở, chứng cứ nào là có thật. Theo nội dung của Tờ di chúc thì căn nhà số 12, Hùng Vương, khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh V thể hiện bán để trả nợ, chứ không phải giao cho ông H để cản trừ nợ. Đối với căn nhà nghỉ tọa lạc tại khóm 9, phường 7, thành phố T, tỉnh V, bà C giao cho ông H cho thuê đến nay là 90 tháng x 15.000.000 đồng/tháng = 1.365.000.000 đồng, số tiền này ông H chưa thanh toán để cản trừ nợ. Ngoài ra số tiền 1.200.000.000 đồng bà C vay Ngân hàng để đầu tư vào sân bóng DH từ năm 2012 cùng với chị Q và chị H vẫn chưa được làm rõ nhưng đã trả số tiền trên cho Ngân hàng. Mặt khác ông H tự ý trả tiền cho Ngân hàng mà không có ý kiến của ông

thì ông H phải kiện Ngân hàng để đòi lại quyền lợi của ông H. Do vậy ông D yêu cầu Tòa án không thụ lý vụ án này. Ông D không yêu cầu phản tố.

- *Đồng bị đơn anh Nguyễn Lê Vũ Q vắng mặt nhưng có lời khai như sau:* Lúc mẹ của anh làm di chúc thì anh không biết đến khi Tòa án thụ lý thì anh mới biết mẹ của anh có làm Tờ di chúc đề ngày 15/6/2012, vào thời điểm mẹ của anh trước khi mất còn rất là minh mẫn, anh là người trực tiếp đến nghe mẹ của anh nói chuyện trước khi mất, nên chữ ký trong Tờ di chúc là chữ ký của mẹ anh bà Lê Thị Thu C đã ký. Nay ông H yêu cầu anh, cha của anh là ông Nguyễn Văn D, em Nguyễn Kiều Đ, bà ngoại Lê Thị T trả lại số tiền nợ mà mẹ của anh là Lê Thị Thu C đã ghi trong Tờ di chúc thì anh Q đồng ý theo di nguyện của mẹ anh nên anh đồng ý giao cho ông H bán căn nhà, đất số 12, Hùng Vương, khóm 1, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh để thực hiện trả hai khoản nợ của mẹ anh, trả cho ông H là 1.600.000.000đồng, trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển nhà C là 2.160.000.000đồng và anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ngoài ra anh không yêu cầu gì thêm.

Anh Q không yêu cầu phản tố.

- *Đồng bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt nhưng có lời khai như sau:*

Ông Nguyễn Văn H là con rể của bà, ông Nguyễn Văn D, Nguyễn Lê Vũ Q và Nguyễn Kiều Đ là chồng và con của con gái của bà T tên là Lê Thị Thu C; sau khi bà C mất thì bà không biết bà C có để lại tài sản gì hay không. Việc ông H khởi kiện yêu cầu bà và chồng con của bà C trả tiền theo Tờ di chúc của bà C để lại thì bà thống nhất theo Tờ di chúc của bà C, nhưng bà đã lớn tuổi không còn nhớ gì nhiều, nên để các con của bà tự giải quyết với nhau. Nếu bà C có để lại tài sản thì bà không yêu cầu bất cứ tài sản nào nên giao cho ông D và các cháu của bà được quyền thừa kế và toàn quyền quyết định. Đối với hàng thừa kế của bà C chỉ có bà và chồng con của bà C, ngoài ra không còn ai khác.

Trong vụ án này bà T không tranh chấp hay yêu cầu gì, nên bà yêu cầu được xét xử vắng mặt. Bà T không yêu cầu phản tố.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T, do ông Phạm Ngọc L đại diện vắng mặt nhưng có lời khai ngày 20/3/2020 như sau:* Theo các hợp đồng tín dụng số: TA.0274.09/HĐTD, ngày 23/3/2009, NA.0371.11/HĐTD, ngày 19/10/2011; TA.0208.12/HĐTD, ngày 18/5/2012, thì khách hàng bà Lê Thị Thu C và ông Nguyễn Văn D đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Ngân hàng. Nay Ngân hàng chỉ là người đang giữ tài sản của bà C và sẽ tự nguyện giao, trả theo phán quyết của Tòa án. Ngân hàng không yêu cầu độc lập.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L vắng mặt nhưng có lời khai:* Vào đầu năm 2006, bà Lê Thị L về sống chung với vợ chồng bà C tại căn nhà số 12, đường Hùng Vương và từ đó cho đến nay bà không có xây dựng hay tu bổ gì vào căn nhà số 12 này. Năm 2009, bà C và em rể là ông Nguyễn Văn D tự thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, nên căn nhà 12 này là tài sản riêng của em C. Em C có vay tiền ông H là 1,6 tỷ và có vay nợ tại Ngân hàng TMCP Phát triển nhà C. Trước khi bà C mất thì chưa trả tiền cho của ông H và trả nợ Ngân hàng,

sau khi bà C mất cũng không ai đứng ra trả, nên ông H đã đứng ra trả nợ Ngân hàng thay bà C. Tôi thông nhất giao căn nhà cho ông H bán để trả nợ theo nội dung Tờ di chúc của bà C. Bà L không tranh chấp gì cả nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Bà L không yêu cầu độc lập.

* Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng,

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, Thẩm phán đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Ông H đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật và có mặt tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Riêng ông D, anh Q, cháu Đ, bà T đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt, mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Về nội dung vụ án, Việc trả nợ thay là ông H đã thực hiện nghĩa vụ được chuyển giao theo tờ di chúc bà C để lại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các đồng thừa kế của bà C có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trả cho ông H số tiền nợ ông H và tiền trả ngân hàng thay bà C là 4.501.784.000 đồng.

Buộc các đồng thừa kế của bà Lê Thị Thu C có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản đối với các di sản bà C để lại để trả cho ông H số tiền nợ ông H và tiền trả ngân hàng thay bà C là 4.501.784.000 đồng, trong đó nợ ông H là 1.600.000.000 đồng và trả ngân hàng là 2.901.784.000 đồng và lãi chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Di sản theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 03/11/2020 và lời trình bày của ông D ngày 03/02/2021.

+ Căn nhà số 12 Hùng Vương, khóm 1, phường 4, thành phố T (nhà này đã được phân chia theo tờ tự thỏa thuận, chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân);

+ Căn biệt thự số 12, Võ Nguyên Giáp, khóm 9, phường 7, thành phố T (nhà này được hình thành sau khi ông D, bà C tự thỏa thuận ngày 26/9/2009);

+ Một nhà nghỉ TP số 125, gồm 02 thửa đất, một thửa do ông H đứng tên dùm bà C, một thửa do ông D đứng tên, cả hai thửa này đã được phân chia theo tờ tự thỏa thuận, chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân;

+ Một thửa đất trống giáp nhà nghỉ TP do bà Lê Thị L đứng tên dùm (bà L là chị ruột bà C)

+ Tại khóm 7, phường 9 có 8 nền nhà.

- Đình chỉ đối với 02 yêu cầu nguyên đơn đã rút là được nhận nhà để cản trừ nợ và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng.

- Giành cho ông Nguyễn Văn D một vụ kiện khác về nguồn tiền kinh doanh khi có yêu cầu.

- Đề nghị ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T tiếp tục quản lý tài sản của khách hàng vay bà Lê Thị Thu C cho đến khi có văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

- Buộc bị đơn ông D, anh Q, cháu Đ, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá theo qui định của pháp luật. Miễn án phí cho bà T, bà L là người cao tuổi theo điểm đ khoản 1 Điều 12 NQ 326 của UBTVQH14.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, về việc được nhận nhà số 12, Hùng Vương để cầm trả nợ và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng, giữ nguyên yêu cầu đồng bị đơn trả 4.501.784.000 đồng cho ông H. Đồng bị đơn không yêu cầu phản tố. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Văn H yêu cầu ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Lê Vũ Q, cháu Nguyễn Kiều Đ, bà Lê Thị T phải trả lại cho ông H số tiền bà C đã mượn là 1.600.000.000 đồng và số tiền mà ông H đã trả nợ thay các đồng thừa kế tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T là 2.901.784.000 đồng. Trường hợp các đồng thừa kế đồng ý giao cho ông H căn nhà và đất, thửa 12, diện tích 135,88m², tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại số 12, Hùng Vương, khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh V thì ông H nhận để cầm trả nợ trên, ngoài ra ông H yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T phải tiếp tục thực hiện trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng tín dụng mà bà C đã ký kết với ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy, trước khi chết bà C có Tờ di chúc đề ngày 15/6/2012 đã xác nhận “...Căn nhà số 12 đường Hùng Vương, khóm 1, phường 4, thành phố T có tiệm QT tôi giao cho Nguyễn Văn H em rể tôi bán để trả nợ Ngân hàng nhà C là 2.160.000.000 đồng thay tôi và trả nợ do tôi có nợ em H số tiền là 1.600.000.000 đồng...”. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại và thực hiện theo hợp đồng tín dụng” là phù hợp với bản chất sự việc, đúng với nhận định của Phúc thẩm và vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, quy định tại khoản 2, 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị T và bà Lê Thị L vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Lê Vũ Q, cháu Nguyễn Kiều Đ, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T, đều vắng mặt không lý do, mặc dù Tòa án tổng đạt hợp lệ lần 2. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để xét xử vắng mặt các đương sự này.

[1.3] Đối với cháu Nguyễn Kiều Đ có ông Nguyễn Văn C là cha ruột làm người đại diện theo pháp luật của cháu, nhưng cháu Đ không sống cùng địa chỉ với ông D nên khi Tòa án lấy lời khai của cháu Đ thì không có mặt của ông D để Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Đ được.

[1.4] Bà Lê Thị U là vợ ông Nguyễn Văn H, bà đã không tham gia khởi kiện vụ án ngay từ ban đầu, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà đã có đơn từ chối tham gia tố tụng, do bà không có liên quan đến vụ án này (bút lục 735). Mặt khác, ông Nguyễn Văn H cho rằng vụ việc không có liên quan đến bà U nên ông đề nghị không đưa bà U tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử cần tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của bà Lê Thị U, nên không đưa bà vô tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[1.5] Về hàng thừa kế của bà Lê Thị Thu C:

Theo biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn D (bút lục 469) và bản tự khai của bà Lê Thị T (bút lục 466) và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay ông Nguyễn Văn H, cùng xác định về hàng thừa kế của bà C gồm:

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1969 (chồng của bà C).
2. Anh Nguyễn Lê Vũ Q, sinh năm 1997 (con của bà C)
3. Cháu Nguyễn Kiều Đ, sinh năm 2005 (con của bà C)
4. Bà Lê Thị T, sinh năm 1924 (mẹ của bà C)
5. Ông Lê Văn H, sinh năm 1925 (cha của bà C, đã chết năm 1971)

Ngoài ra không còn ai khác.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H: Ông H yêu cầu các đồng thừa kế của bà Lê Thị Thu C gồm ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Lê Vũ Q, em Nguyễn Kiều Đ, bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả 1.600.000.000đồng mà bà C đã mượn của ông H và trả 2.901.784.137đồng mà lúc bà C còn sống đã vay Ngân hàng. Xét thấy, nội dung của Tờ di chúc của bà Lê Thị Thu C đề ngày 15/6/2012 đã xác định rõ, bà C còn nợ ông H số tiền là 1.600.000.000đồng và còn nợ Ngân hàng nhà C (*nay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T*) là 2.160.000.000đồng, giao căn nhà số 12, Hùng Vương, khóm 1, phường 4, thành phố T có tiệm QT cho Nguyễn Văn H bán để trả thay bà C. Mặt khác, ông H cung cấp các bản kê chi tiết thu nợ gốc, lãi của Ngân hàng mà ông đã trực tiếp nộp tiền trả nợ thay cho bà C và Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam -

Chi nhánh T cũng đã xác nhận ông Nguyễn Văn H đã nộp trả nợ cho bà Lê Thị Thu C theo các hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 2.901.784.000đồng, nay bà C và ông D đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với phía Ngân hàng (bút lục: 730, 731, 732, 733, 734).

Đối với anh Nguyễn Lê Vũ Q thống nhất theo di nguyện của mẹ anh Lê Thị Thu C theo Tờ di chúc đề ngày 15/6/2012. Đối với bà Lê Thị T, về nợ của bà C thì bà thống nhất theo nội dung tờ di chúc của bà C, về tài sản mà bà C để lại là do ông D, anh Q, cháu Đ quyết định nên bà để cho các con, cháu của bà tự giải quyết với nhau. Cho thấy anh Q và bà T là đồng thừa kế của bà C đều thống nhất trả nợ theo di nguyện của bà C.

Ngoài ra, bà Lê Thị L biết việc bà C có mượn tiền 1.600.000.000đồng của ông H, do thời điểm đó bà L là người sống chung với bà C nên bà C có nói cho bà biết (bút lục: 179, 181, 488).

Cho thấy nội dung của tờ di chúc của bà Lê Thị Thu C đã khẳng định là có nợ ông H 1.600.000.000đồng và có nợ Ngân hàng là 2.160.000.000đồng nên cho phép ông H bán nhà căn nhà số 12 để trả nợ trên. Việc trả nợ thay bà C là ông H đã thực hiện nghĩa vụ được chuyển giao theo tờ di chúc bà C để lại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời trình bày của bà Lê Thị T, bà Lê Thị L và anh Nguyễn Lê Vũ Q nên yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H là có căn cứ.

Việc ông H trả nợ cho Ngân hàng vượt quá số tiền mà bà C ghi trong tờ di chúc là 741.784.000đồng, nên tổng số tiền ông H trả cho Ngân hàng thay bà C là 2.901.784.000đồng. Số tiền vượt này là do các đồng thừa kế không trả nợ cho Ngân hàng tại thời điểm có đơn yêu cầu thi hành án theo các Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 16, 17, 18, cùng ngày 11/3/2013 của Tòa án nhân dân thành phố T mà các đồng thừa kế đã đồng ý trả nợ cho Ngân hàng, nhưng để kéo dài thời gian thi hành (từ năm 2013 đến năm 2017) thì mặc nhiên số tiền lãi chậm trả trên số nợ gốc tăng là đúng, nên ông H yêu cầu các đồng thừa kế trả cho ông H 2.901.784.000đồng mà ông đã trả cho Ngân hàng thay các đồng thừa kế là hoàn toàn hợp lý.

Chính vì vậy, ông Nguyễn Văn H yêu cầu các đồng thừa kế của bà Lê Thị Thu C phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông tổng số tiền là 4.501.784.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H có đơn yêu cầu được rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là rút việc yêu cầu nhận 01 căn nhà và đất, thửa 12, diện tích 135,88m², tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại số 12, Hùng Vương, khóm 1, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh để cản trừ nợ trên, do ông không còn nhu cầu lấy nhà nữa. Theo biên bản định giá ngày 19/11/2020 là đã quá 06 tháng nhưng ông H đã rút yêu cầu này và ông H không yêu cầu định giá lại nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải tổ chức định giá lại.

Ông H còn rút việc yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T phải thực hiện theo hợp đồng tín dụng, tức là yêu cầu Ngân hàng trả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C đã thế chấp.

Hội đồng xét xử, xét thấy đây là sự tự nguyện và quyền định đoạt của ông Nguyễn Văn H nên đình chỉ giải quyết hai vấn đề này là hợp lý.

[2.3] Xét lời nại ra của đồng bị đơn ông Nguyễn Văn D: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn D cho rằng, ông không biết bà C có mượn số nợ của ông H 1.600.000.000 đồng và việc ông H tự ý đi trả nợ cho Ngân hàng, là không có cơ sở, chứng cứ nào xác định là có thật. Hội đồng xét xử xét thấy, lời nại ra của ông Nguyễn Văn D là không có căn cứ. Bởi lẽ, ông D đã yêu cầu Tòa án trưng cầu Cơ quan chuyên môn giám định dấu vân tay và chữ ký của bà C nên đã được Cơ quan chuyên môn đã có Kết luận số: 311/KLGĐ, ngày 15/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Trà Vinh xác định, chữ viết trong nội dung “Tờ di chúc” của bà Lê Thị Thu C, ghi ngày 15 tháng 6 năm 2012 so với chữ viết “chứng kiến Lê Thị Thu C ký tên và in dấu vân tay” ở dòng 24, 25 trang 02 của “Tờ di chúc”, ghi ngày 15 tháng 6 năm 2012 do cùng một người ký (bút lục: 318). Đối với anh Nguyễn Lê Vũ Q đã thừa nhận dấu vân tay và chữ ký đúng là của bà Lê Thị Thu C, còn ông D sau khi có kết quả giám định thì ông D khẳng định không tranh chấp Tờ di chúc. Mặt khác ông D và anh Q cùng khẳng định nội dung di chúc của bà C chỉ giao ông H bán căn nhà số 12 đường Hùng Vương để trả nợ, chứ không giao để cầm trả nợ (bút lục: 206, 207, 491), nên xem như ông D, anh Q chấp nhận nội dung Tờ di chúc của bà C là có thật nên lời nại ra của ông Nguyễn Văn D là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với lời nại ra của ông D về căn nhà nghỉ TP tọa lạc tại khóm 9, phường 7, thành phố T, tỉnh V, bà C giao ông H cho thuê đến nay là 90 tháng x 15.000.000 đồng/tháng = 1.365.000.000 đồng, số tiền này ông H chưa thanh toán để cầm trả nợ. Và số tiền 1.200.000.000 đồng bà C vay Ngân hàng để đầu tư vào sân bóng DH từ năm 2012 cùng với chị Q và chị H vẫn chưa được làm rõ nhưng đã trả số tiền trên cho Ngân hàng. Mặc dù, Tòa án nhân dân thành phố T đã giải thích cho ông D biết về việc yêu cầu phản tố và đã tổng đặc trực tiếp tại trụ sở Tòa án Thông báo số: 02/TB- TA, ngày 04/8/2020 cho ông D, để ông D làm đơn yêu cầu phản tố, nhưng đã quá thời hạn ấn định của Tòa án, mà ông D vẫn không có làm đơn yêu cầu phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn D có quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.4] Bà Lê Thị Thu C để lại là căn nhà trên thửa đất số 12, diện tích 135,8m², tọa lạc tại số 12, Hùng Vương, khóm 1, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, do bà Lê Thị Thu C đứng tên mà trước đây ông H yêu cầu lấy để cầm trả nợ và các di sản khác của bà C, trong vụ án này các đương sự không ai tranh chấp hay yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Đối với di sản của bà C, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH 477948, ngày 25/4/2012, của thửa đất số 252, 230, 231; số BG 193867, ngày 18/10/2011 của thửa đất số 12; Số X 310066, ngày 26/6/2003 của thửa đất số 133. Hiện nay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T đang quản lý và tự nguyện giao trả theo quyết định của Tòa án.

Lẽ ra, Ngân hàng phải trả giấy chứng nhận quyền sử đất cho các đồng thừa kế của bà C do bà C đã thanh toán xong nợ, nhưng trong vụ án này Ngân hàng không thể trả ngay cho các đồng thừa kế được, vì nếu giao thì các đồng thừa kế có thể đi chuyển nhượng hoặc đem đi thế chấp cho ngân hàng khác để vay thì hậu quả xấu xảy ra, do đó để đảm bảo thi hành án Hội đồng xét xử giao cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T tiếp tục quản lý 03 giấy chứng nhận trên cho đến khi nào có văn bản, quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mặt khác, các đương sự không ai yêu cầu hay tranh chấp về các giấy chứng nhận trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Đối với Ngân hàng TMCP Phát triển nhà C đã sáp nhập vào Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh DH vào ngày 05/5/2015. Đến ngày 01/5/2016 Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh DH được sáp nhập vào Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T, theo Công văn số 654/CV - BIDV.TV, ngày 02/6/2021 đã xác nhận (bút lục: 730).

[2.7] Đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T và bà Lê Thị L đang sống tại căn nhà số 12, Hùng Vương từ năm 2006 đến nay, nhưng bà không có xây dựng hay tu bổ gì trong căn nhà này. Trong vụ án này Ngân hàng và bà L không tranh chấp hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.8] Từ các căn cứ nêu trên, yêu cầu của ông Nguyễn Văn H là có căn cứ.

Đối với đề nghị của vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận một yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn H.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Lê Vũ Q, cháu Nguyễn Kiều Đ, bà Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, nhưng bà T là người trên 60 tuổi nên bà được miễn nộp án phí.

Đối với ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị L và Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T không phải chịu án phí.

[4] *Chi phí khảo sát, định giá:* Do ông Nguyễn Văn Hào đã rút yêu cầu nhận căn nhà số 12, Hùng Vương nên ông Hào phải chịu chi phí khảo sát, định giá theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Lê Vũ Q, cháu Nguyễn Kiều Đ, bà Lê Thị T, bà Lê Thị L và Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T không phải chịu khảo sát, định giá.

[5] *Về chi phí giám định:* Do ông Nguyễn Văn D không thừa nhận chữ ký trong tờ di chúc đề ngày 15/6/2012 là của bà Lê Thị Thu C nên ông H yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký theo quy định, và đã được cơ quan chuyên môn kết luận chữ ký trong tờ di chúc là của bà C, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/11/2018 ông Nguyễn Văn D khẳng định không tranh chấp tờ di chúc này (bút lục: 422), nên ông D phải

chịu chi phí giám định là 2.430.000đồng, theo qui định tại Điều 161, Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Lê Vũ Q, cháu Nguyễn Kiều Đ, bà Lê Thị T, bà Lê Thị L và Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T không phải chịu chi phí giám định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 146, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 159, Điều 160, Điều 161, Điều 162, Điều 165, Điều 166, Điều 207, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 614, Điều 615, Điều 623, Điều 651 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Hào.

Buộc ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Lê Vũ Q, cháu Nguyễn Kiều Đ và bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H với tổng số tiền là 4.501.784.000đồng (*Bốn tỷ, năm trăm lẻ một triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng*), trong đó, bà Lê Thị Thu C còn nợ ông Nguyễn Văn H là 1.600.000.000 đồng và số tiền ông Nguyễn Văn H đã trả nợ thay các đồng thừa kế tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T là 2.901.784.000đồng.

Giao Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T tiếp tục quản lý các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Số BH 477948, ngày 25/4/2012, của thửa đất số 252, 230, 231; Số BG 193867, ngày 18/10/2011 của thửa đất số 12; Số X 310066, ngày 26/6/2003 của thửa đất số 133 cho đến khi có văn bản, quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu nhận 01 căn nhà và đất, thửa 12, diện tích 135,88m², tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại số 12, Hùng Vương, khóm 1, phường 4, thành phố T, tỉnh V để cản trừ nợ và yêu cầu Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T thực hiện theo hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T

và bà Lê Thị L không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Lê Vũ Q, cháu Nguyễn Kiều Đ, bà Lê Thị T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của ông H được chấp nhận là 112.501.784đồng (*Một trăm mười hai triệu, năm trăm lẻ một nghìn, bảy trăm tám mươi bốn đồng*), nên ông Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Lê Vũ Q, cháu Nguyễn Kiều Đ mỗi người phải nộp là 28.125.446đồng (*Hai mươi tám triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm bốn mươi sáu đồng*), tại Chi cục Thi hành án dân sự.

Đối với bà T là người trên 60 tuổi nên bà được miễn nộp án phí 28.125.446đồng (*Hai mươi tám triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, bốn trăm bốn mươi sáu đồng*).

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí là 28.120.000đồng (*Hai mươi tám triệu, một trăm hai mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0007986, ngày 27/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

- *Về chi phí giám định:* Ông Nguyễn Văn D phải nộp chi phí giám định là 2.430.000đồng (*Hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng*), tại Chi cục thi hành án dân sự nhận để trả lại cho ông Nguyễn Văn H.

- *Chi phí khảo sát, định giá:* Ông Nguyễn Văn H phải chịu chi phí khảo sát, định giá là 2.050.000đồng (*Hai triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*), nên được căn trừ số tiền ông H đã nộp tạm ứng trước là **11.000.000đồng (Mười một triệu đồng)**, ông H được nhận số tiền còn thừa là 6.520.000đồng (*Sáu triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng*) tại Tòa án nhân dân thành phố T và nhận 2.430.000đồng (*Hai triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh T và bà Lê Thị L không phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diệp Thị Nết